

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Phó Chủ tịch	18/02/2022	-
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	-	-
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	18/02/2022	-
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên	--	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Thanh Hồng	Trưởng ban	-	-
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên	18/02/2022	-
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Phan Trọng Toàn	Thành viên	-	18/02/2022

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc	-	-
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	15/03/2022	-
Bà Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	-	15/03/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Số: 26 /2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lập và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lập và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		565.790.731.118	497.667.743.475
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		623.282.761	20.144.056.635
1. Tiền	111	4.1	623.282.761	20.144.056.635
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		348.647.000.000	319.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	348.647.000.000	319.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.212.884.375	69.941.256.081
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	58.430.351.677	25.971.260.255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	40.415.662.055	34.441.142.273
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	18.095.503.373	11.236.887.383
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.728.632.730)	(1.708.033.830)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	93.502.841.941	81.292.573.487
1. Hàng tồn kho	141		94.593.214.136	82.470.867.323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.090.372.195)	(1.178.293.836)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.804.722.041	6.789.857.272
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.12	7.218.825.853	6.789.857.272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		585.896.188	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		932.962.216.139	902.374.050.748
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.423.394.557	6.246.980.593
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	8.423.394.557	6.246.980.593
II. Tài sản cố định	220		116.660.939.778	123.177.396.897
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	94.155.842.122	100.393.212.125
Nguyên giá	222		328.357.502.465	325.862.766.775
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.201.660.343)	(225.469.554.650)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	20.107.480.931	20.386.568.047
Nguyên giá	225		25.959.244.055	25.959.244.055
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.851.763.124)	(5.572.676.008)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.397.616.725	2.397.616.725
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.588.987.605)	(2.588.987.605)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	86.089.674.210	-
1. Nguyên giá	231		86.377.599.542	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(287.925.332)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		356.730.671.205	418.167.992.589
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	356.730.671.205	418.167.992.589
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	47.664.838.971	47.664.838.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.664.838.971	11.664.838.971
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.192.413.670)	(1.192.413.670)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		36.000.000.000	36.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		317.392.697.418	307.116.841.698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	317.392.697.418	307.116.841.698
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.498.752.947.257	1.400.041.794.223

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		940.905.015.565	853.539.475.457
I. Nợ ngắn hạn	310		541.150.104.085	481.322.327.356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	22.698.439.717	31.103.134.854
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	46.899.958.699	78.955.924.290
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	32.255.073.604	27.299.436.528
4. Phải trả người lao động	314	4.16	53.888.150.013	44.789.046.431
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	11.232.590.787	10.737.843.896
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	4.627.728.430	2.509.227.526
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	46.640.928.750	6.596.002.913
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	309.160.363.498	265.148.981.098
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.975.799.912	3.202.441.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.771.070.675	10.980.288.820
II. Nợ dài hạn	330		399.754.911.480	372.217.148.101
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.19	138.639.554.029	91.518.267.105
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	261.115.357.451	280.698.880.996
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		557.847.931.692	546.502.318.766
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	557.847.931.692	546.502.318.766
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(46.460.000)	(46.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		137.353.525.767	112.017.893.640
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.540.865.925	48.530.885.126
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	6.389.998.736
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.540.865.925	42.140.886.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.498.752.947.257	1.400.041.794.223



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.22	322.161.410.440	213.993.383.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		128.077.272	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		322.033.333.168	213.993.383.079
4. Giá vốn hàng bán	11	4.23	216.774.441.039	149.111.802.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.258.892.129	64.881.580.130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.24	8.322.295.525	9.763.485.753
7. Chi phí tài chính	22	4.25	5.164.743.823	5.007.540.573
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.164.743.823</i>	<i>5.007.540.573</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.26	14.796.234.482	12.414.455.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.27	17.901.676.947	15.435.834.076
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.718.532.402	41.787.235.407
11. Thu nhập khác	31	4.28	3.335.699.831	2.568.993.423
12. Chi phí khác	32		46.540.344	31.917.609
13. Lợi nhuận khác	40		3.289.159.487	2.537.075.814
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.007.691.889	44.324.311.221
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.30	15.700.680.447	8.869.242.165
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		63.307.011.442	35.455.069.056



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.007.691.889	44.324.311.221
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.29	9.190.946.857	11.435.779.636
Trích/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	03		706.036.171	(494.949.081)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.584.674.193)	(9.881.130.977)
Chi phí lãi vay	06	4.25	5.164.743.823	5.007.540.573
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		83.484.744.547	50.391.551.372
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6.011.880.314)	43.658.442.711
Tăng hàng tồn kho	10		(12.122.346.813)	(20.085.588.507)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.376.270.130	(53.158.494.182)
Tăng chi phí trả trước	12		(10.861.771.333)	(1.911.613.300)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.899.625.507)	(5.007.540.573)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(12.849.586.891)	(9.957.849.205)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.960.000	11.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.030.399.861)	(15.549.389.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.091.363.958	(11.608.561.284)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(98.652.829.783)	(69.709.483.790)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32.082.203.636	533.189.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(137.000.000.000)	(114.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		107.853.000.000	164.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.677.629.459	11.739.725.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(88.039.996.687)	(7.436.569.092)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.31	406.340.010.576	433.882.755.285
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.32	(381.912.151.721)	(372.314.137.068)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(51.486.263.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.427.858.855	10.082.354.617
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(19.520.773.874)	(8.962.775.759)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.144.056.635	17.428.972.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	623.282.761	8.466.196.484



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty đã chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 thay đổi lần thứ 7 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 447 (01 tháng 01 năm 2022 là: 446).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ;
- Thi công xây dựng công trình giao thông và công trình dân dụng;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp (KCN).

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;
- Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và dịch vụ tư vấn xây dựng;
- Sản xuất phụ tùng cơ khí và sửa chữa phương tiện thủy, bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa;
- Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

1.4. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Công ty đã hoạt động ổn định sau giai đoạn ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, sản lượng khai thác cát tăng 111% so với kỳ trước dẫn đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong 06 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 51% và 79%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2021.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	232.234.374	8.760.023.306
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	391.048.387	11.384.033.329
Cộng	623.282.761	20.144.056.635

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 12 - 13 tháng với lãi suất trung bình từ 4,6%/năm đến 7,1%/năm, cụ thể như sau:

Số thứ tự	Ngân hàng	Số tiền tại ngày 30/06/2022 VND	Thời hạn gốc (tháng)	Cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay
1	Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đồng Tháp	6.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc với số tiền 6.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
2	Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Sa Đéc	19.500.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc với số tiền là 9.500.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	101.147.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 101.000.000.000 - Xem thêm Mục 4.20.
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Lý Thường Kiệt	16.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 16.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc	51.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc với số tiền là 51.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Thanh Bình	2.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 2.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - Chi nhánh Đồng Tháp	4.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc với số tiền là 4.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

8	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - huyện Cao Lãnh	38.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - huyện Cao Lãnh với số tiền là 38.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
9	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - huyện Tân Hồng	23.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - huyện Tân Hồng với số tiền là 18.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
10	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - huyện Thanh Bình	37.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - huyện Thanh Bình với số tiền là 37.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
11	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Tháp	14.000.000.000	12 – 13	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 14.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
12	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	8.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản bảo lãnh tham gia dự thầu, tạm ứng bảo hành thực hiện hợp đồng với số tiền là 8.000.000.000 VND
13	Ngân hàng TMCP Xăng Dầu – Chi nhánh Đồng Tháp	12.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản bảo lãnh tham gia dự thầu, tạm ứng bảo hành thực hiện hợp đồng với số tiền là 12.000.000.000 VND
14	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đồng Tháp	6.000.000.000	12	
15	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	10.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc với số tiền là 10.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
16	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Tháp	12.000.000.000	13	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc với số tiền là 12.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
17	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	3.000.000.000	13	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 3.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

18	Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Đồng Tháp	14.000.000.000	13	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 9.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
19	Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đồng Tháp	8.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 8.000.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.20.
Tổng		384.647.000.000		

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	11.100.017.122	-	-	11.100.017.122	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	564.821.849	-	-	564.821.849	-	-
Cộng	11.664.838.971	-	-	11.664.838.971	-	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-
---------------------------	---------------	-----------------	---	---------------	-----------------	---

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	382.999.617	699.577.507
Phải thu từ khách hàng:		
Ban QLDA và PTQĐ Huyện Tháp Mười	45.539.965.863	-
Ban QLDA và PTQĐ Thành phố Hồng Ngự	317.000.000	6.105.094.000
Sở xây dựng Đồng Tháp	135.714.000	2.714.284.000
Công ty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One	-	2.927.266.000
Các khách hàng khác (*)	12.054.672.197	13.525.038.748
Cộng	<u>58.430.351.677</u>	<u>25.971.260.255</u>

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	1.900.000.000	-
Trả trước cho người bán khác:		
Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp	26.513.835.000	26.513.835.000
Công ty TNHH Nguyên Phát Thanh Bình	4.293.466.000	-
Công ty TNHH MTV TM DV Minh Nguyên Đồng Tháp	2.287.839.600	2.287.839.600
Các nhà cung cấp khác (*)	5.420.521.455	5.639.467.673
Cộng	<u>40.415.662.055</u>	<u>34.441.142.273</u>

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan				
– Xem thêm Mục 4.33	1.550.830.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng	1.436.545.174	-	951.077.500	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.899.969.025	-	8.808.110.959	-
Lãi ký quỹ	-	-	170.319.885	-
Phải thu ngắn hạn khác (*)	6.208.159.174	-	307.379.039	-
Cộng	18.095.503.373	-	11.236.887.383	-

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ	8.423.394.557	-	6.246.980.593	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản phải thu ngắn hạn khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.391.734.772	(1.053.222.797)	12.000.622.249	(1.141.144.438)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.746.540.973	-	2.992.054.922	-
Thành phẩm	4.217.251.380	(37.149.398)	2.549.913.986	(37.149.398)
Hàng hóa	66.237.687.011	-	64.928.276.166	-
Cộng	94.593.214.136	(1.090.372.195)	82.470.867.323	(1.178.293.836)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022 là 1.090.372.195 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 30/06/2022 là 30.981.327.326 VND - Xem thêm Mục 4.20.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười	356.674.066.025	258.373.758.801
Bờ kè XNCK - CH Trần Quốc Toản	56.605.180	56.605.180
Cụm Công nghiệp Tân Lập Châu Thành	-	86.296.469.946
Cụm Công nghiệp Trường Xuân	-	71.217.815.935
Hạ tầng kỹ thuật KCN Trần Quốc Toản	-	2.223.342.727
Cộng	356.730.671.205	418.167.992.589

Quyền khai thác dự án Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát Triển tỉnh Đồng Tháp – Xem thêm Mục 4.20.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2022	33.747.197.711	244.134.295.668	41.752.366.987	682.622.997	5.546.283.412	325.862.766.775
Mua trong kỳ	-	245.780.000	-	-	-	245.780.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	2.248.955.690	2.248.955.690
Tại ngày 30/06/2022	33.747.197.711	244.380.075.668	41.752.366.987	682.622.997	7.795.239.102	328.357.502.465
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	17.891.876.885	174.935.933.936	30.231.524.592	673.422.997	1.736.796.240	225.469.554.650
Khấu hao trong kỳ	773.356.122	6.397.916.411	1.287.979.740	3.450.000	269.403.420	8.732.105.693
Tại ngày 30/06/2022	18.665.233.007	181.333.850.347	31.519.504.332	676.872.997	2.006.199.660	234.201.660.343
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2022	15.855.320.826	69.198.361.732	11.520.842.395	9.200.000	3.809.487.172	100.393.212.125
Tại ngày 30/06/2022	15.081.964.704	63.046.225.321	10.232.862.655	5.750.000	5.789.039.442	94.155.842.122

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 134.823.105.805 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Tại ngày 30/06/2022	<u>2.397.616.725</u>	<u>76.000.000</u>	<u>2.512.987.605</u>	<u>4.986.604.330</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	-	76.000.000	2.512.987.605	2.588.987.605
Tại ngày 30/06/2022	<u>-</u>	<u>76.000.000</u>	<u>2.512.987.605</u>	<u>2.588.987.605</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	2.397.616.725	-	-	2.397.616.725
Tại ngày 30/06/2022	<u>2.397.616.725</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.397.616.725</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.588.987.605 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Công ty thuê lại từ Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Cơ sở hạ tầng – Cụm công nghiệp VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2022	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	86.377.599.542
	<hr/>
Tại ngày 30/06/2022	<u>86.377.599.542</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2022	-
Khấu hao trong kỳ	287.925.332
	<hr/>
Tại ngày 30/06/2022	<u>287.925.332</u>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2022	-
	<hr/>
Tại ngày 30/06/2022	<u>86.089.674.210</u>

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2022 là 86.089.674.210 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.20.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Cấp phép khai thác khoáng sản	6.039.800.000	5.844.430.000
Chi phí thuê mặt bằng, sà lan	725.000.000	-
Chi phí khác	454.025.853	945.427.272
Cộng	7.218.825.853	6.789.857.272
Dài hạn:		
Tiền thuê đất Cụm CN Tân Lập (*)	230.844.721.019	230.579.634.298
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản (**)	74.933.526.953	74.636.801.630
Tiền thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	3.084.560.008	732.000.008
Chi phí thi công 2 bệ đặt cầu CH KD VLXD Cao Lãnh	819.074.545	-
Dự án BMC Nam Sông Tiền	397.933.210	289.761.926
Chi phí khác	7.312.881.683	878.643.836
Cộng	317.392.697.418	307.116.841.698

(*) Tiền thuê đất tại Cụm CN Tân Lập là tiền thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (tính đến ngày 17 tháng 08 năm 2070) đối với diện tích cho thuê 389.014,3 m². Giá trị quyền sử dụng đất thuê là 230.844.721.019 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2022 – Xem thêm Mục 4.20.

(**) Tiền thuê đất tại KCN Trần Quốc Toản là tiền thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (tính đến ngày 13 tháng 02 năm 2058) đối với diện tích cho thuê 395.621,4 m².

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.33	1.433.362.249	1.433.362.249	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Trường Phát	5.690.627.400	5.690.627.400	3.923.452.500	3.923.452.500
Công ty TNHH Hoàng Lâm Đồng Tháp	3.557.156.899	3.557.156.899	7.967.212.797	7.967.212.797
Công ty TNHH MTV Mỹ Lương 689	2.196.382.500	2.196.382.500	1.514.315.000	1.514.315.000
Công ty TNHH MTV San Lấp Đồng Tháp 689	2.096.546.950	2.096.546.950	1.445.482.500	1.445.482.500
Công ty CP Địa chất và Môi trường Miền Nam	-	-	3.185.900.000	3.185.900.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	7.724.363.719	7.724.363.719	16.026.569.557	16.026.569.557
Cộng	22.698.439.717	22.698.439.717	31.103.134.854	31.103.134.854

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải trả cho người bán ngắn hạn.

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Ban QLDA và PTQĐ Thành phố Cao Lãnh	18.727.173.000	16.317.504.000
BAN QLDA ĐT XD CTGT ĐỒNG THÁP	3.018.463.000	2.992.512.000
Công ty TNHH Hansoll Bông Sen Vina	-	27.141.603.000
Các khách hàng khác	25.154.322.699	32.504.305.290
Cộng	46.899.958.699	78.955.924.290

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày	Trong kỳ		Tại ngày
	30/06/2022	VND		01/01/2022
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	26.826.371.857	30.811.132.268	3.984.760.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.697.513.357	15.700.680.447	12.849.586.891	9.846.419.801
Thuế thu nhập cá nhân	68.707.604	4.625.913.236	5.076.964.036	519.758.404
Thuế tài nguyên	4.915.413.000	59.422.795.500	64.279.173.000	9.771.790.500
Phí môi trường	2.206.882.518	21.890.310.432	22.361.743.800	2.678.315.886
Tiền thuê đất	-	2.318.421.814	2.318.421.814	-
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Thuế phải nộp khác	12.366.557.125	20.952.970.969	9.084.805.370	498.391.526
Cộng	32.255.073.604	151.752.464.255	146.796.827.179	27.299.436.528

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2022.

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước tiền thuê mặt nước đối với hoạt động khai thác cát	4.220.176.250	4.220.176.250
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác cát	-	5.588.790.237
Lãi vay	-	458.350.000
Các khoản trích trước khác	7.012.414.537	470.527.409
Cộng	11.232.590.787	10.737.843.896

4.18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ tức phải trả	43.149.913.200	1.003.736.400
Nhận ký quỹ, ký cược	2.450.000.000	2.060.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.041.015.550	3.532.266.513
Cộng	46.640.928.750	6.596.002.913

4.19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	4.627.728.430	2.509.227.526
Dài hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	138.639.554.029	91.518.267.105

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản tiền khách hàng trả trước 01 lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toàn trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058 và khoản tiền khách hàng trả trước 01 lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại cụm công nghiệp Tân Lập trong vòng 48 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 17 tháng 08 năm 2070.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	105.511.382.400	105.511.382.400	167.723.534.123	131.212.151.723	69.000.000.000	69.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - huyện Cao Lãnh	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT – huyện Thanh Bình	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Sa Đéc	31.000.000.000	31.000.000.000	110.000.000.000	102.500.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - huyện Tân Hồng	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi Nhánh Sa Đéc	-	-	9.700.000.000	24.700.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	67.648.981.098	67.648.981.098	-	-	52.648.981.098	52.648.981.098
Cộng	309.160.363.498	309.160.363.498	392.423.534.123	363.412.151.723	265.148.981.098	265.148.981.098

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc	159.000.000.000	159.000.000.000	-	15.000.000.000	174.000.000.000	174.000.000.000
Quỹ Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp	134.800.000.000	134.800.000.000	13.916.476.453	-	120.883.523.547	120.883.523.547
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	12.250.000.005	12.250.000.005	-	3.499.999.998	15.750.000.003	15.750.000.003
Nợ thuê tài chính	22.714.338.544	22.714.338.544	-	-	22.714.338.544	22.714.338.544
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(67.648.981.098)	(67.648.981.098)	-	-	(52.648.981.098)	(52.648.981.098)
Cộng	261.115.357.451	261.115.357.451	13.916.476.453	18.499.999.998	280.698.880.996	280.698.880.996

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp:

Hạn mức vay	: 200.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 05 tháng - 12 tháng.
Hình thức vay	: Là khoản vay thấu chi và thế chấp.
Lãi suất	: Dao động từ 4,8%/năm đến 5,0%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo	: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng – Xem thêm Mục 4.2, chi tiết: <ul style="list-style-type: none">▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 101.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Lý Thường Kiệt có giá trị là 16.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Thanh Bình có giá trị là 2.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 9.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 14.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 3.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 8.000.000.000 VND.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh:

Hạn mức vay	: 50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 06 tháng.
Hình thức vay	: Vay theo hợp đồng thế chấp
Lãi suất	: Dao động từ 4,8%/năm đến 4,9%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo	: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh có giá trị là 38.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Thanh Bình:

Hạn mức vay	: 37.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 06 tháng.
Hình thức vay	: Vay theo hợp đồng thế chấp.
Lãi suất	: Dao động từ 4,8%/năm đến 4,9%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo	: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Thanh Bình có giá trị là 37.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc:

Hạn mức vay	: 50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 12 tháng.
Hình thức vay	: Vay theo các hợp đồng thấu chi.
Lãi suất	: Dao động từ 4,8%/năm đến 4,9%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo	: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc có giá trị là 51.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Tân Hồng:

Hạn mức vay	: 18.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 06 tháng.
Hình thức vay	: Vay theo các hợp đồng thế chấp.
Lãi suất	: 4,8%/năm
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo	: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Tân Hồng có giá trị là 18.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc:

Hạn mức vay	: 215.868.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 48 tháng.
Hình thức vay	: Vay theo các hợp đồng thế chấp.
Lãi suất	: 8,0%/năm.
Mục đích vay	: Thanh toán tiền thuê đất thuộc dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Lập.
Tài sản đảm bảo	: Quyền sử dụng đất, hàng hoá bất động sản và tài sản gắn liền với đất – Xem thêm Mục 4.11 và 4.12

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng – Xem thêm Mục 4.2, chi tiết:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc có giá trị là 9.500.000.000 VND;
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 6.000.000.000 VND;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 10.000.000.000 VND;
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 4.000.000.000 VND;
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 12.000.000.000 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp:

Hạn mức vay : 134.800.000.000 VND.
Thời hạn vay : 05 năm.
Lãi suất : 7,6%/năm.
Mục đích vay : Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Tài sản đảm bảo : Quyền khai thác dự án – Xem thêm Mục 4.7.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp:

Hạn mức vay : 32.000.000.000 VND.
Thời hạn vay : 36 tháng.
Hình thức vay : Vay theo các hợp đồng thế chấp
Lãi suất : 7,6%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, từ tháng 13 áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng.
Mục đích vay : Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng thô nhà ở liền kề của 23 lô đất trong KDC Thủy Vân.
Tài sản đảm bảo : 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 23 lô đất trong KDC Thủy Vân
Tài sản hình thành trong tương lai của dự án và các tài sản khác ngoài dự án là hàng hóa bất động sản – Xem thêm Mục 4.6.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Khoản nợ thuê tài chính của Công ty là khoản thuê hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản giữa Công ty và Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, với tổng giá trị thuê hạ tầng là 12.457.518.514 đồng trong 46 năm, bắt đầu từ năm 2010 kết thúc năm 2056. Tổng giá trị thuê hạ tầng sẽ được điều chỉnh khi các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành và được Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, Công ty và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp ký thêm phụ lục hợp đồng cho Hợp đồng thuê số 02/HĐ, điều chỉnh giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Thời hạn:						
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	648.981.102	648.981.102	-	648.981.102
Trên 1 năm đến 5 năm	2.595.924.608	-	2.595.924.608	2.595.924.408	-	2.595.924.408
Trên 5 năm	19.469.433.034	-	19.469.433.034	19.469.433.034	-	19.469.433.034
Cộng	22.714.338.744	-	22.714.338.744	22.714.338.544	-	22.714.338.544

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2021	386.000.000.000	(46.460.000)	89.305.908.806	68.452.164.140	543.711.612.946
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2021	-	-	-	35.455.069.056	35.455.069.056
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	16.702.079.756	(16.702.079.756)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.522.359.817)	(5.522.359.817)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.490.000.000)	(52.490.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(12.000.000)	(12.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	386.000.000.000	(46.460.000)	106.007.988.562	29.180.793.623	521.142.322.185
Lãi trong 6 tháng cuối năm 2021	-	-	-	30.049.525.390	30.049.525.390
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.009.905.078	(6.009.905.078)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.689.528.809)	(4.689.528.809)
Tại ngày 01/01/2022	386.000.000.000	(46.460.000)	112.017.893.640	48.530.885.126	546.502.318.766
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2022	-	-	-	63.307.011.442	63.307.011.442
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	25.335.632.127	(25.335.632.127)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.853.051.716)	(9.853.051.716)
Chia cổ tức	-	-	-	(42.146.176.800)	(42.146.176.800)
Tăng khác	-	-	-	37.830.000	37.830.000
Tại ngày 30/06/2022	386.000.000.000	(46.460.000)	137.353.525.767	34.540.865.925	557.847.931.692

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp	196.860.000.000	196.860.000.000
Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	36.000.000.000	36.000.000.000
Ông Lương Văn Quang	19.300.000.000	19.300.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	133.840.000.000	133.840.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

Các thông tin Liên quan đến vốn của UBND tỉnh Đồng Tháp như sau:

- Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp".

4.21.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(4.600)	(4.600)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.595.400	38.595.400

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.21.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	112.017.893.640
Trích trong kỳ	25.335.632.127
Tại ngày 30/06/2022	137.353.525.767

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cát khai thác	237.617.069.925	111.747.592.516
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	49.035.210.049	47.104.957.318
Doanh thu công trình XD CB	27.510.472.361	26.204.369.091
Doanh thu hàng hóa BĐS	-	23.163.960.942
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.998.658.105	5.772.503.212
Cộng	322.161.410.440	213.993.383.079
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.33	3.731.329.470	2.042.986.640

Nguyên nhân doanh thu kỳ này tăng so với kỳ trước được thuyết minh tại Mục 1.4.

4.23. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cát khai thác	155.277.810.965	78.376.998.547
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	35.139.979.447	35.844.350.150
Giá vốn công trình XD CB	24.711.328.230	22.293.864.578
Giá vốn hàng hóa BĐS	-	8.714.511.846
Giá vốn thử nghiệm, dịch vụ khác	1.645.322.397	3.882.077.828
Cộng	216.774.441.039	149.111.802.949

Giá vốn hàng bán kỳ này tăng tương ứng với mức tăng doanh thu của kỳ này.

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.764.914.061	9.604.544.345
Cổ tức được chia – Xem thêm Mục 4.33	550.830.000	-
Lãi tiền gửi thanh toán	4.573.464	3.014.178
Lãi tiền ký quỹ Bảo vệ môi trường	-	140.102.230
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.978.000	15.825.000
Cộng	8.322.295.525	9.763.485.753

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	5.164.743.823	5.007.540.573

4.26. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	3.674.453.721	3.748.403.506
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.916.402.610	3.007.778.986
Chi phí vật liệu, bao bì	4.011.585.166	2.580.286.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.066.538.397	1.372.393.187
Chi phí bằng tiền khác	3.127.254.588	1.705.593.702
Cộng	14.796.234.482	12.414.455.827

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.773.283.017	7.176.754.853
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.252.494.412	2.114.764.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.861.923.301	871.724.313
Thuế, phí và lệ phí	215.721.958	533.575.127
Chi phí vật liệu quản lý	87.773.498	75.702.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	336.266.865	106.210.000
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng	20.598.900	(1.524.964.247)
Chi phí bằng tiền khác	6.353.614.996	6.082.067.333
Cộng	17.901.676.947	15.435.834.076

4.28. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Kiểm kê phát hiện thừa	2.203.880.945	2.234.518.058
Lãi từ thanh lý TSCĐ	-	273.572.454
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	616.516.101	42.372.900
Thu tiền điện thoại vượt	10.424.158	14.393.136
Khác	504.878.627	4.136.875
Cộng	3.335.699.831	2.568.993.423

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	79.357.234.281	52.087.220.133
Chi phí nguyên vật liệu	46.235.519.038	14.556.903.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.810.479.494	26.942.025.085
Chi phí khấu hao	9.190.946.857	11.435.779.636
Chi phí khác	43.880.563.206	48.038.397.575
Cộng	235.474.742.876	153.060.325.965

4.30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	79.007.691.889	44.324.311.221
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	46.540.344	21.899.603
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(550.830.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	78.503.402.233	44.346.210.824
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	15.700.680.447	8.869.242.165

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

4.31. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	406.340.010.576	433.882.755.285

4.32. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(381.912.151.721)	(372.314.137.068)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.33. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. UBND Tỉnh Đồng Tháp | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 3. Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	382.999.617	699.577.507
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.900.000.000	-
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	550.830.000	-
Tổng	<u>1.550.830.000</u>	<u>1.000.000.000</u>
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.13:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	(1.433.362.249)	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm Mục 4.22:		

Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	3.731.329.470	2.042.986.640
----------------------------------	---------------	---------------

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng và dịch vụ cung cấp:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	8.876.737.851	9.286.267.652
Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp	435.627.944	318.181.818
Tổng	<u>9.312.365.795</u>	<u>9.604.449.470</u>

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức được chia – Xem thêm Mục 4.24:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	550.830.000	-

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức đã chia:		
UBND Tỉnh Đồng Tháp	22.008.948.000	47.623.666.600

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy – Chủ tịch HĐQT	1.012.598.000	1.473.016.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng – Phó Chủ tịch HĐQT	30.450.000	-
Ông Nguyễn Hữu Phước – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	879.428.000	1.318.727.000
Bà Trần Thị Thúy Hằng – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	759.561.000	1.170.961.000
Ông Trần Ngọc Minh – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	97.350.000	-
Bà Phạm Minh Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc	432.404.000	1.069.606.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh – Phó Tổng Giám đốc	724.316.000	898.564.000
Ông Nguyễn Thành Trung – Kế toán trưởng	672.612.000	988.230.000
Tổng	<u>4.608.719.000</u>	<u>6.919.104.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Võ Đình Quốc Huy – Chủ tịch HĐQT	11.258.260	13.433.380
Ông Nguyễn Hữu Phước – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	35.155.510	38.019.000
Bà Trần Thị Thúy Hằng – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	6.160.180	13.560.110
Bà Phạm Minh Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc	8.071.960	9.631.480
Ông Nguyễn Hoàng Anh – Phó Tổng Giám đốc	2.655.220	2.534.600
Tổng	60.645.910	77.178.570

4.34. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đặng Thanh Hồng – Trưởng Ban Kiểm soát	656.919.000	908.875.000
Bà Nguyễn Thị Thanh An – Thành viên Ban Kiểm soát	219.567.000	255.401.000
Ông Nguyễn Phan Trọng Toàn – Thành viên Ban Kiểm soát	112.106.000	292.504.000
Bà Vũ Thị Thanh Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát	13.050.000	-
Tổng	1.001.642.000	1.456.780.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đặng Thanh Hồng – Trưởng ban kiểm soát	955.890	1.140.570

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 40 năm với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.537.122.903	2.242.300.671

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	41.349.345	41.349.345
Trên 1 năm đến 5 năm	206.746.725	206.746.725
Trên 5 năm	1.247.371.908	1.268.046.580
Cộng	<u>1.495.467.978</u>	<u>1.516.142.650</u>

4.36. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
Người lập